

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TÂY NINH  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27-6-2018.

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Văn An.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đặng Thị Phương Thảo.

2. Bà Lê Thị Một

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Liên, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Tiểu Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **20/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2018** về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48 /2018/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2018/QĐHPT-HNGĐ ngày 29/5/2018, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1969;

Hộ khẩu thường trú: Khu phố B (nay là khu phố S), phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

Nơi cư trú hiện nay: Đường VVT, khu phố M, phường H, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; Có mặt.

*2. Bị đơn:* Ông Nguyễn Duy K, sinh năm 1968;

Hộ khẩu thường trú: Khu phố B (nay là khu phố S), phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

Nơi cư trú hiện nay: Đường VVT, khu phố M, phường H, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 12 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Duy K tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LTN, huyện HT, tỉnh Tây Ninh từ năm 1993. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 1998 phát sinh mâu thuẫn cho đến nay. Nguyên nhân là do ông K thường xuyên nhậu nhẹt, về nhà là hành hạ, đánh đập, chửi mắng, nhục mạ bà L; không chăm lo cho gia đình. Bà có khuyên ngăn nhiều lần nhưng ông K không sửa đổi tính tình. Sự việc này kéo dài cho đến nay đã quá sức chịu đựng nên bà yêu cầu được ly hôn với ông K .

Về con chung: Bà và ông K có 02 con chung tên Nguyễn Duy L, sinh ngày 18-11-1993; Nguyễn Hoàng Anh T, sinh ngày 15-9-2003. Cháu L đã thành niên, có việc làm ổn định nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo biên bản lấy lời khai ngày 22/01/2018, bị đơn ông Nguyễn Duy K trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày của bà L về thời gian chung sống, kết hôn. Khoảng 15 năm đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Do vấn đề kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn nên trong vòng 5-7 năm trở lại đây vợ chồng hay xảy ra cãi vã. Cuối năm 2017 do áp lực công việc quá nhiều, ông có uống rượu, không kiểm chế được bản thân nên khi trở về nhà có chửi mắng bà L. Ông không đồng ý ly hôn với bà L vì ông bà đã lớn tuổi, không muốn ảnh hưởng đến tương lai của các con sau này.

Hiện nay ông bà không có nhà ở, điều kiện kinh tế khó khăn nếu bà L cho rằng chung sống với ông quá khổ và muốn đi xây dựng cuộc sống mới hạnh phúc thì ông chấp nhận đồng ý ly hôn với bà L .

Về con chung: Ông thống nhất với lời trình bày của bà L. Trường hợp phải ly hôn, ông đồng ý giao cháu T cho bà L nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các phiên họp chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa ông K vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

*- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa. Bị đơn vắng mặt không lý do.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Kim L. Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Duy Kỳ.

Về con chung: Con chung Nguyễn Duy L, sinh ngày 18-11-1993 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao con chung tên Nguyễn Hoàng Anh T cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận bà L không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kim L khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Nguyễn Duy K, do ông K có địa chỉ cư trú tại phường 2, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Duy K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Duy K tự nguyện chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn năm 1993 tại Ủy ban nhân dân xã LTN, huyện HT, tỉnh Tây Ninh là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Theo bà L trình bày nguyên nhân ly hôn là do ông K không chăm lo cho gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt, đánh đập, chửi mắng bà L và sự việc này kéo dài qua nhiều năm. Tòa án đã triệu tập ông K tham gia hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông K không có thiện chí hòa giải. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, cuộc sống hôn nhân giữa ông K và bà L không hạnh phúc nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà L và ông K có 02 con chung tên là Nguyễn Duy L, sinh ngày 18-11-1993; Nguyễn Hoàng Anh T, sinh ngày 15-9-2003. Cháu L đã thành niên nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp ly hôn, ông K đồng ý giao cháu T cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu T nên cần giao cháu T cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận bà L không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về nợ chung, tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[6] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Tây Ninh phù hợp với Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L đối với ông Nguyễn Duy K về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim L đối với ông Nguyễn Duy K. Bà L và ông K không còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

2. Về con chung: Con chung Nguyễn Duy L, sinh ngày 18-11-1993 đã thành niên nên bà L và ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giao con chung Nguyễn Hoàng Anh T, sinh ngày 15-9-2003 cho Bà Nguyễn Thị Kim L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận bà L không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Ông Nguyễn Duy K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

3. Về nợ chung, tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007008 ngày 24/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Bà L đã nộp đủ tiền án phí.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà L có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Ông K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân phường 2, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND.TTN;
- VKSND.TPTN;
- CC.THADS TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
**(Đã ký)**

**Trương Văn An**

